

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga, bà Hà Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 677/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1984.

Đều ĐKKHKT: Thôn Y, xã X, huyện H, Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Số 95 K, khu 1, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh S đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Vũ Thị T, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 26/3/2014. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm đã có lần đánh nhau phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Chị và anh S đã

ly thân việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh S không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Vũ Khánh L, sinh ngày 03/11/2014. Hiện cháu ở cùng chị, cháu là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn và từ trước đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu do vậy khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị là nhân viên y tế của bệnh viện tỉnh Hải Dương thu nhập từ lương khoảng hơn 5 triệu, tiền đi trực, thu nhập tăng thêm khoảng 10 triệu nên đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con tốt nhất. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Văn S trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn. Anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị T đồng ý để anh nuôi dưỡng con chung. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Vũ Khánh L, sinh ngày 03/11/2014; Trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện anh làm công việc tự do thu nhập khoảng 50.000.000đ/tháng. Anh sẽ cung cấp căn cứ chứng minh về thu nhập cho Tòa án sau. Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai người thân gia đình chị T, anh S và xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Anh, chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do anh chị không chung sống cùng gia đình nên nguyên nhân mâu thuẫn ông, bà không nắm được. Địa phương xác định chị T, anh S xảy ra việc đánh cãi, chửi nhau. Đại diện khu dân cư đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung người thân gia đình chị T và chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho con chung. Người thân gia đình anh S đề nghị trường hợp nếu vợ chồng ly hôn bà có nguyện vọng chị T, anh S mang cháu L về cho bà chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Lê Vũ Khánh L, trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Lê Văn S; Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Vũ Khánh L, sinh ngày 03/11/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh S cư trú tại phường TB, thành phố HD. Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh S là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh S được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của T, anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Người thân gia đình hai bên và chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Chị T xin ly hôn, anh S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chỉ đồng ý ly hôn nếu chị T cho anh được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T ly hôn anh S là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Lê Vũ Khánh L, sinh ngày 03/11/2014, chị T có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T trình bày chị làm nhân viên y tế bệnh viện tỉnh Hải Dương thu nhập ổn định phù hợp với bảng tổng hợp thu nhập do chị T cung cấp. Anh S có nguyện vọng nuôi con, Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập nhưng anh S không cung cấp, cũng không đến Tòa án làm việc. Bà Sinh là mẹ đẻ của anh S có nguyện vọng nếu anh S, chị T ly hôn, anh chị mang cháu về cho bà chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc nuôi dưỡng chăm sóc con là nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ. Nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh S đều là chính đáng. Tuy nhiên cháu L là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ hơn và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn, chị T có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy cần giao cháu L cho chị T trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị T, anh S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Lê Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Khánh L, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002494 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T, anh Lê Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 26/3/2014);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan